

Bản án số: **129/2021/HS-ST**

Ngày: 23/11/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Thúy Hà – ông Hà Hữu Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Thương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Bê Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 134/2021/HSST ngày 03 tháng 11 năm 2021; theo QĐXX số 129/2021/ QĐXXST - HS ngày 10 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Tiến D**; Sinh ngày 15/02/1979; Tên gọi khác: Không; Trú tại: Tổ dân phố 16, phường T, thành phố T, tỉnh Q; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ tên bố: Nguyễn Anh S (đã chết); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1948; Vợ: Vợ thứ nhất Phan Thị Luận (đã ly hôn); Vợ thứ hai: Trịnh Thị Ánh T, sinh năm 1979; Con: Có 02 người, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2013;

- Tiền án: Có 02 tiền án:

+ Tại Bản án số 27/2018/HSST ngày 12/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang xử phạt 01 năm 02 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/02/2019.

+ Tại Bản án số 61/2019/HSST ngày 27/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, tài sản bị chiếm đoạt là 4.933.300 đồng, phạm tội ngày 05/3/2019, bản án tuyên tái phạm, chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/3/2020.

- Tiền sự: Ngày 02/4/2021, UBND phường An Tường, thành phố Tuyên Quang ra Quyết định số 117 áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường thời hạn 03 tháng kể từ ngày 21/4/2021.

- Nhân thân:

+ Tại Bản án số 533/HSST ngày 15/10/1996 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản của công dân.

+ Tại Bản án số 299/2007HSST ngày 27/8/2007 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

+ Tại Bản án số 37/2011/HSST ngày 22/4/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

+ Ngày 29/8/2003, Công an tỉnh Tuyên Quang ra Quyết định số 02153 xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau, hình thức phạt tiền 100.000 đồng.

+ Ngày 16/3/2004, Công an huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang ra Quyết định số 13688 xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm giữ trái phép tài sản của người khác, phạt tiền 200.000 đồng.

+ Ngày 07/4/2004, Công an phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang ra Quyết định số 7967 xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, phạt tiền 200.000 đồng.

** Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/8/2021 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang.*

- Bị hại: Anh Lý Trường T, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn Gia, xã T, huyện S, tỉnh Q. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Trịnh Thị Ánh T, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường H, thành phố T, tỉnh Q. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ ngày 21/8/2021, Nguyễn Tiến D (có 02 tiền án), đi bộ từ nhà đến Trung tâm y tế huyện Yên Sơn, thuộc Tổ dân phố 13, phường T, thành phố T, mục đích trộm cắp tài sản. Đến nơi, D đi lên tầng 2 của Trung tâm y tế, quan sát thấy buồng điều trị bệnh nhân số 24 cửa chính đóng, cửa sổ có cánh cửa mở nhưng không có chấn song, bên trong phòng có hai vợ chồng anh Lý Trường T và chị Hoàng Mai H, cùng trú tại thôn Gia, xã T, S đang nằm ngủ trên giường cùng con nhỏ. D nhìn qua cửa sổ thấy phía đầu giường anh T ngủ để 02 chiếc điện thoại, gồm 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu iPhone 6 Plus màu vàng dung lượng 16GB, 01 chiếc điện thoại iPhone 6S Plus màu vàng dung lượng 64GB, có ốp nhựa màu đen và 01 chiếc ví da đã cũ màu nâu dạng gấp, bên ngoài có dòng chữ BOVIS, Dũng nên nảy sinh ý định trộm cắp số tài sản trên. Dũng đến ngoài hành lang, lấy bộ quần áo của y bác sỹ phơi mặc vào người rồi trèo qua cửa sổ đi vào trong phòng, tiến đến đầu giường vợ chồng anh T ngủ, trộm cắp 02 chiếc điện thoại, cất giấu trong túi quần bên trái, trộm cắp chiếc ví cất giấu trong túi quần bên phải rồi trèo ra ngoài theo lối vào lúc đầu, cởi bộ quần áo y bác sỹ để ở cuối hành lang rồi đi về nhà. Trên đường đi về nhà D lấy chiếc ví trộm cắp được ra kiểm tra thấy có số tiền 252.000 đồng và 01 thẻ căn cước công dân mang tên Lý Trường Tuấn. D kiểm tra 02 chiếc điện thoại trộm cắp được thì thấy

điện thoại đều để mặt khẩu màn hình nên D tháo sim và ốp nhựa điện thoại vứt vào thùng rác ven đường rồi đi về nhà về nhà ngủ.

Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, D đi xe bus đến cửa hàng mua bán và sửa chữa điện thoại “Đoan Mobi” thuộc Tổ dân phố 11, phường Th, thành phố T bán chiếc điện thoại Iphone 6S Plus màu vàng dung lượng 64GB trộm cắp được cho anh Nguyễn Văn Đ, trú tại Tổ dân phố 1, phường Ý La, thành phố Tuyên Quang là chủ cửa hàng được số tiền 550.000 đồng. Chiếc điện thoại này sau đó anh Đ đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Sau khi bán được chiếc điện thoại cho anh Đ, D đi bộ đến khu vực gầm cầu T, thuộc phường Q, thành phố T, gặp và mua được của một người đàn ông không biết tên tuổi, địa chỉ được 01 (một) gói Heroine với số tiền 500.000 đồng rồi đi đến khu vực vắng người tại gầm cầu sử dụng hết Heroine mua được bằng hình thức tiêm chích vào cơ thể, sau đó Dũng đi xe ôm đến cửa hàng sửa chữa điện thoại “C Seven” thuộc Tổ dân phố 01, phường Th, thành phố T thuê anh Trương Trung K, trú tại thôn K331, xã Hoàng Khai, huyện S, tỉnh Q là chủ cửa hàng mở khóa màn hình với số tiền 150.000 đồng rồi mang về nhà sử dụng.

Đối với chiếc ví da trộm cắp được, Dũng vẫn cất giấu trong túi quần; đối với số tiền 252.000 đồng trong ví, D chi tiêu cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 65/KL-HĐĐGTS ngày 23/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Tuyên Quang, kết luận: Điện thoại Iphone 6 Plus màu vàng dung lượng 16GB trị giá 2.500.000 đồng; Điện thoại Iphone 6S Plus màu vàng dung lượng 64GB trị giá 3.000.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản là 5.500.000 đồng (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*).

Vật chứng: Ngày 21/8/2021, Cơ quan điều tra tạm giữ của bị cáo Nguyễn Tiến D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu vàng dung lượng 16GB; 01 chiếc ví da màu nâu dạng gấp, bên ngoài có dòng chữ BOVIS, bên trong ví có 01 căn cước công dân mang tên Lý Trường T; Ngày 22/8/2021 tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu vàng dung lượng 64GB do anh Nguyễn Văn Đ giao nộp. Ngày 26/8/2021, Cơ quan điều tra trả lại 02 chiếc điện thoại, 01 chiếc ví và thẻ căn cước công dân mang tên Lý Trường T cho bị hại Lý Trường T. Đối với 02 chiếc sim điện thoại và 01 ốp nhựa điện thoại bị cáo vứt ở thùng rác bên đường không thu giữ được. Bị hại khai ví sử dụng đã lâu, đã cũ rách, ốp điện thoại sử dụng lâu đã cũ, sòn; 02 sim điện thoại mua từ lâu, không nhớ mua bao nhiêu tiền nên không đề nghị định giá.

Dân sự: Bị hại Lý Trường T nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự đối với 02 chiếc sim điện thoại, 01 vỏ ốp điện thoại bằng nhựa và số tiền 252.000 đồng trong ví. Chị Trịnh Thị Ánh T (vợ của bị cáo Nguyễn Tiến D) trả cho anh Nguyễn Văn Đ số tiền 550.000 đồng là số tiền anh Đoan mua điện thoại của bị cáo. Chị T không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền này.

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 135/QĐ-KSĐT ngày 02 tháng 11 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Nguyễn Tiến D về tội Trộm cắp tài sản theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến D phạm tội Trộm cắp tài sản. Áp dụng: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến Dũng từ 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 21/8/2021.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng khoản 5, Điều 173 của Bộ luật Hình sự là hình phạt tiền đối với bị cáo vì bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Bị hại Lý Trường T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trịnh Thị Ánh T không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 550.000đ (*năm trăm năm mươi nghìn đồng*) chị Tuyết đã trả cho anh Đoàn (là số tiền anh Đ mua chiếc điện thoại do bị cáo bán) nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, tại phiên tòa tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nội dung khai báo của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, không có tình tiết mới; bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản; bị cáo nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

Kết thúc phần tranh tụng, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh qua biên bản làm việc, dữ liệu điện tử của camera an ninh của Trung tâm y tế huyện Yên Sơn; Biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp; Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ, bản ảnh hiện trường; Bản Kết luận định giá tài sản; đơn trình báo, lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 03 giờ ngày 21/8/2021, tại buồng điều trị bệnh nhân số 24 của Trung tâm y tế huyện S, thuộc Tổ dân phố 13, phường T, thành phố T, Nguyễn Tiến D, cư trú tại Tổ dân phố 16, phường T, thành phố T (có 02 tiền án) có hành vi trộm cắp của anh Lý Trường T trú tại thôn Gia, xã B, huyện S 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu vàng dung lượng 16GB trị giá 2.500.000 đồng; 01 điện thoại Iphone 6S Plus màu vàng dung lượng 64GB trị giá 3.000.000 đồng và số tiền 252.000 đồng.

Tổng giá trị các tài sản bị cáo trộm cắp là 5.752.000 đồng (*Năm triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng*).

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đã có hành vi lén lút, bí mật trốn tránh sự phát hiện của người quản lý tài sản để chiếm đoạt tài sản của họ. Hành vi của bị cáo được thực hiện dưới hình thức lẩn tránh ý trực tiếp, mục đích vụ lợi; hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu của người khác về tài sản. Bị cáo có 02 tiền án:

+ Tại Bản án số 27/2018/HSST ngày 12/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang xử phạt 01 năm 02 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/02/2019.

+ Tại Bản án số 61/2019/HSST ngày 27/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, tài sản bị chiếm đoạt là 4.933.300 đồng, phạm tội ngày 05/3/2019, bản án tuyên tái phạm, chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/3/2020.

- Tiền sự:

+ Ngày 02/4/2021, UBND phường An Tường, thành phố Tuyên Quang ra Quyết định số 117 áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường thời hạn 03 tháng kể từ ngày 21/4/2021.

- Nhân thân:

+ Tại Bản án số 533/HSST ngày 15/10/1996 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản của công dân.

+ Tại Bản án số 299/2007HSST ngày 27/8/2007 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

+ Tại Bản án số 37/2011/HSST ngày 22/4/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

+ Ngày 29/8/2003, Công an tỉnh Tuyên Quang ra Quyết định số 02153 xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau, hình thức phạt tiền 100.000 đồng.

+ Ngày 16/3/2004, Công an huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang ra Quyết định số 13688 xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm giữ trái phép tài sản của người khác, phạt tiền 200.000 đồng.

+ Ngày 07/4/2004, Công an phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang ra Quyết định số 7967 xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, phạt tiền 200.000 đồng.

Do vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có việc làm, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Bị hại Lý Trường T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trịnh Thị Ánh T không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 550.000đ (*năm trăm năm mươi nghìn đồng*) chị Tuyết đã trả cho anh Đ (là số tiền anh Đ mua chiếc điện thoại do bị cáo bán) nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy ngày 21/8/2021 của Nguyễn Tiến D, Công an thành phố Tuyên Quang đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3575 ngày 15/9/2021, hình thức phạt tiền 1.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với người đàn ông, bị cáo khai bán Heroine cho bị cáo ngày 21/8/2021 tại khu vực gầm cầu T thuộc phường T, thành phố T nhưng không xác định được tên tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ để điều tra, xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối với anh Nguyễn Văn Đ là người mua chiếc điện thoại iPhone 6S Plus của bị cáo và anh Trương Trung K là người bị cáo thuê mở khóa điện thoại iPhone 6 Plus nhưng không biết nguồn gốc điện thoại do bị cáo trộm cắp nên không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: điểm g, khoản 2, Điều 173; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến Dũng phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Tiến D 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/8/2021.

2. Căn cứ vào khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trịnh Thị Ánh T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP Tuyên Quang;
- Công an TP Tuyên Quang;
- Chi cục THA.DS TP. Tuyên Quang;
- UBND phường nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; nguyên đơn dân sự;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Hồ sơ Thi hành án hình sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Lan

.